

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 173/2021/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện K, Thành phố Hà N

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 3, xã G, huyện K, Thành phố Hà N

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác định anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn T Anh, sinh ngày 09/11/1997 và cháu Nguyễn T V, sinh ngày 12/11/2010. Cháu T Anh đã thành niên và phát

triển khỏe mạnh, hoàn toàn bình thường nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu V bị hạn chế về tinh thần, không thể học tập, lao động và tự chăm sóc bản thân như bình thường. Giao con chung là cháu Nguyễn T V cho chị T là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N là bố có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị T là 4.000.000 đồng/01tháng (Bốn triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh N và chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Anh N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0072582 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện K;
- UBND xã G, K, Hà N
(Số ĐKKH 101 ngày 05/12/1996);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Vp

THẨM PHÁN

Đoàn Thành Nam